

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày: 24-02-2023
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, TP CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Quang
2. Ông Lê Thanh Phong

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Anh Dũng-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố CT.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Ô tham gia phiên toà: Bà Trần Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc “tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kiều K, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu vực TH, phường TL, quận Ô, thành phố CT. Có mặt

2. *Bị đơn:*

- Bà Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1966. Có mặt

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966. Có mặt

Cùng địa chỉ: Khu vực TB, phường TL, quận Ô, thành phố CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ngọc Yến trình bày có nội dung như sau:

Thông qua quen biết với nhau, từ năm 2015 đến 2017, bà Nguyễn Thị Diệu H có mời bà K tham gia chơi 03(ba) dây hui do bà H làm đầu thảo. Đến khoảng tháng năm 2017 thì bà H tuyên bố bẻ hui và xác nhận còn nợ bà K là 156.000.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu đồng), cụ thể như sau:

- 01 dây hụi 2.000.000 đồng, bà tham gia 03 phần, mỗi tháng mở 01 lần, dây này khai được 18 lần (18 lần x 2.000.000 đồng x 03 phần = 108.000.000 đồng);

- 01 dây hụi 1.000.000 đồng, bà tham gia 02 phần, mỗi tháng mở 01 lần, dây này khai được 19 lần (19 lần x 1.000.000 đồng x 02 phần = 38.000.000 đồng);

- 01 dây hụi 1.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần, mỗi tháng mở 01 lần, dây này khai được 10 lần, tổng số tiền (10 lần x 1.000.000 đồng x 01 phần = 10.000.000 đồng).

Sau năm 2017, bà K có tố cáo với Công an về hành vi lừa đảo của vợ chồng bà H, nhưng cơ quan chức năng xác định không đủ cơ sở để xử lý vợ chồng bà H. Nay, bà K khởi kiện yêu cầu ông C, bà H phải trả toàn bộ số nợ trên, không yêu cầu tính lãi suất chậm trả, kể cả trong giai đoạn thi hành án.

Ý kiến bà H: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H thừa nhận có làm chủ hụi, và bà K có tham gia chơi các dây hụi như bà K trình bày. Đồng thời, bà H thừa nhận có xác nhận nợ với bà K số tiền 156.000.000 đồng. Bà H cho rằng hiện tại do hoàn cảnh gia đình khó khăn không còn khả năng trả nợ, việc hụi không tiếp tục mở là do hụi viên kêu quá cao, và tự rút ra không tiếp tục tham gia nữa. Nay, bà H yêu cầu bà K tiếp tục tham gia chơi lại dây hụi mới 1.000.000 đồng/tháng để bà H và ông C mới có nguồn tiền thực hiện việc trả nợ cho bà K. Bà H thống nhất các tài liệu có trong hồ sơ liên quan đến hụi có chữ ký bà H là do bà tự H viết ra và pho to gửi cho các hụi viên, nên bà không khiếu nại gì. Ngoài ra, bà H còn trình bày thêm, việc chơi hụi này bà không có dấu hiệu lừa đảo gian dối gì như kết luận của cơ quan điều tra.

Ý kiến ông C: Thống nhất theo lời trình bày của bà H, nhưng ông C cho rằng ông không liên quan gì đến trách nhiệm của bà H, mặc dù ông là chồng nhưng bản thân ông cũng có tham gia các dây hụi của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn bà H và ông C phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 156.000.000 đồng. Về lãi suất chậm trả, kể cả trong giai đoạn thi hành án do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Kiều K khởi kiện có nội dung đòi tiền hụi đối với bà Nguyễn Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn C, đây là quan hệ pháp luật “tranh chấp

hội” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà K yêu cầu bà H và ông C trả số tiền hội 156.000.000 đồng mà bà H đã xác nhận nợ bà K trong quá trình tham gia chơi hội góp vốn từ năm 2015 đến 2016. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà K cung cấp các tài liệu thể hiện các dây hội có tên của các thành viên tham gia, tài liệu này bà H đã thừa nhận. Trong quá trình hòa giải bà H cũng xác nhận chữ ký trong các tài liệu do bà K cung cấp là chữ ký của bà H, và thừa nhận còn nợ như bà K đã trình bày.

[3] Bà H và ông C cho rằng, do các thành viên tham gia hội tự nguyện rút ra nên bà H không tiếp tục khai mở hội được, bên cạnh đó có nhiều thành viên hốt hội xong không đóng lại cho bà H, từ đó bà H không có khả năng hoàn lại tiền cho bà K. Nhận thấy qua lời trình bày của bà H với ông C, lẽ ra cần mời tất cả các thành viên tham gia chơi hội vào tham gia tố tụng để làm rõ các vấn đề trên. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H khai nhận, trước thời gian năm 2019, bà H làm chủ rất nhiều dây hội, bà chỉ nhớ mỗi dây hội bà có ghi tên chung chung rồi sau đó bà photo cho mỗi người một tờ giấy, hiện tại bà không còn nhớ rõ từng dây hội cụ thể như thế nào, những thành viên nào tham gia địa chỉ cụ thể ở đâu, hội bắt đầu khi nào, các thành viên nào không tiếp tục tham gia... Vì vậy, không thể làm sáng tỏ những lý do của bà H nêu trên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Đồng thời xét thấy, quan hệ hội góp vốn giữa các bên có lập tờ giao kèo trách nhiệm (BL 14), theo đó khi các thành viên vắng mặt thì vợ chồng bà H phải chịu trách nhiệm. Vì vậy, ý kiến của bị đơn đưa ra là không đủ cơ sở để xem xét.

[4] Đối với trách nhiệm của ông C, xét thấy giữa bà H và ông C có quan hệ là vợ chồng với nhau từ trước năm 1987 đến nay, việc bà H làm chủ hội trong thời gian dài ông C đều biết, tiền đầu thảo bà H khai nhận sử dụng vào mục đích cho nhu cầu thiết yếu gia đình, vì vậy, ông C phải có nghĩa vụ cùng với bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

[5] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà K là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát: Nhận thấy phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ theo đề nghị.

[7] Về án phí sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của bà K được chấp nhận nên bị đơn bà H và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.800.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 13, Điều 16 và Điều 30 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

- Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bà Nguyễn Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Kiều K số tiền 156.000.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, không áp dụng lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án đối với bị đơn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ nộp 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Kiều K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003726 ngày 12/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, thành phố CT

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. CT;
- VKSND TP. CT;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THA Q. Ô;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Văn Mẫn